

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	2
BẢNG CHỮ VIẾT TẮT.....	3
DANH MỤC BẢNG.....	4
DANH MỤC BIỂU ĐỒ.....	5
I. Tổng quan khảo sát	7
II. Phân tích mẫu khảo sát	9
III. Kết quả khảo sát	12
1. Phản hồi từ sinh viên	12
1.1. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp.....	12
1.2. Thời gian sinh viên có việc làm đầu tiên sau tốt nghiệp.....	14
1.3. Thành phần kinh tế sinh viên tham gia làm việc.....	15
1.4. Nơi công tác	17
1.5. Mức thu nhập của sinh viên	17
1.6. Đánh giá của sinh viên về chất lượng đào tạo kiến thức.....	18
1.7. Đánh giá của sinh viên về chất lượng đào tạo kỹ năng.....	20
1.8. Đánh giá mức độ ổn định công việc.....	21
2. Phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động.....	24
2.1. Khả năng thích ứng với công việc thực tế của sinh viên khi bắt đầu công tác tại đơn vị.....	24
2.2. Đánh giá tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên.....	25
2.3. Những kiến thức doanh nghiệp đào tạo.....	28
2.4. Những kỹ năng mà sinh viên cần chú trọng nâng cao	29
2.5. Các loại hình hợp tác giữa doanh nghiệp và nhà trường.....	30
IV. Kết luận.....	32
V. Kiến nghị	33

LỜI MỞ ĐẦU

Kính gửi: Ban giám hiệu

Các Khoa, Phòng ban, Trung tâm

Người học là một trong các đối tượng được quan tâm hàng đầu trong giáo dục Đại học, đặc biệt trong định hướng chất lượng đào tạo trong kiểm định chất lượng. Nhằm đánh giá kết quả việc làm của sinh viên sau một năm tốt nghiệp, tìm hiểu hình ảnh việc làm của sinh viên tốt nghiệp sau một năm ra trường cũng như ghi nhận những đánh giá của đơn vị sử dụng lao động về sinh viên của trường, Trung tâm Hỗ trợ sinh viên & Quan hệ doanh nghiệp tiến hành hoạt động **“Khảo sát việc làm của sinh viên niên khoá 2010 - 2014 sau một năm tốt nghiệp”**.

Được triển khai khảo sát 468 sinh viên tốt nghiệp năm 2014 bậc đại học hệ chính quy của 13 Khoa/Bộ môn và 20 doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực có liên quan. Kết quả khảo sát là cơ sở để Nhà trường đánh giá lại chất lượng đào tạo về mức độ phù hợp giữa chương trình đào tạo, ngành đào tạo với nhu cầu thị trường lao động.

Bài báo cáo gồm các phần:

1. Xây dựng mẫu khảo sát
2. Phân tích mẫu khảo sát
3. Kết quả khảo sát
4. Kết luận
5. Kiến nghị

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Giải thích
DN	Doanh nghiệp
SV	Sinh viên
TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn

DANH MỤC BẢNG

BẢNG.....	TRANG
<i>Bảng 1: Sinh viên các Khoa tham gia khảo sát.....</i>	<i>9</i>
<i>Bảng 2: Thành phần doanh nghiệp tham gia khảo sát.....</i>	<i>11</i>
<i>Bảng 3: Ý kiến của sinh viên về kỹ năng cần đào tạo</i>	<i>21</i>
<i>Bảng 4: Các giải pháp nâng cao khả năng tìm việc cho sinh viên</i>	<i>23</i>
<i>Bảng 5: Đánh giá tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên</i>	<i>25</i>
<i>Bảng 6: Nội dung doanh nghiệp đào tạo cho sinh viên</i>	<i>29</i>

DANH MỤC BIỂU ĐỒ

BIỂU ĐỒ	TRANG
<i>Biểu đồ 1 : Tỷ lệ sinh viên các khoa tham gia khảo sát.....</i>	9
<i>Biểu đồ 2 : Tỷ lệ nam nữ trong khảo sát.....</i>	10
<i>Biểu đồ 3: Tỷ lệ nam nữ theo khoa trong cuộc khảo sát</i>	10
<i>Biểu đồ 4: Tỷ lệ học lực của SV tham gia khảo sát</i>	11
<i>Biểu đồ 5: Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp</i>	12
<i>Biểu đồ 6: Tỷ lệ sinh viên có việc làm và chưa có việc làm sau khi tốt nghiệp theo khoa.....</i>	12
<i>Biểu đồ 7: Lý do sinh viên chưa tìm được việc làm.....</i>	13
<i>Biểu đồ 8: Lý do sinh viên tìm được việc làm.....</i>	14
<i>Biểu đồ 9: Thời gian sinh viên có việc làm đầu tiên sau tốt nghiệp.....</i>	14
<i>Biểu đồ 10: Tỷ lệ sinh viên học lực trung bình và trung bình khá có việc làm sau khi tốt nghiệp.....</i>	15
<i>Biểu đồ 11: Tỷ lệ thành phần kinh tế sinh viên tham gia làm việc</i>	15
<i>Biểu đồ 12: Tỷ lệ thành phần kinh tế sinh viên tham gia làm việc theo khoa</i>	16
<i>Biểu đồ 13: Vai trò của sinh viên trong công việc.....</i>	16
<i>Biểu đồ 14: Nơi công tác</i>	17
<i>Biểu đồ 15: Mức thu nhập của sinh viên</i>	17
<i>Biểu đồ 16: Đánh giá của sinh viên về mức độ phù hợp của công việc</i>	18
<i>Biểu đồ 17: Lý do công việc không phù hợp.....</i>	18
<i>Biểu đồ 18: Đánh giá của sinh viên về chất lượng đào tạo.....</i>	19
<i>Biểu đồ 19: Đánh giá của sinh viên về mức độ hữu ích của kiến thức học tại trường đối với công việc</i>	19
<i>Biểu đồ 20: Ý kiến của sinh viên về kiến thức cần nâng cao.....</i>	20
<i>Biểu đồ 21: Đánh giá của sinh viên về mức độ hữu ích của kỹ năng học tại trường đối với công việc</i>	20
<i>Biểu đồ 22: Ý định của sinh viên về việc chuyển đổi công việc.....</i>	22
<i>Biểu đồ 23: Nguyên nhân sinh viên chuyển đổi công việc.....</i>	22

<i>Biểu đồ 24: Khả năng thích ứng với công việc thực tế của sinh viên khi bắt đầu công tác tại đơn vị</i>	<i>24</i>
<i>Biểu đồ 25: Mức độ đáp ứng với yêu cầu công việc của sinh viên khi bắt đầu công tác tại đơn vị</i>	<i>24</i>
<i>Biểu đồ 26: Đánh giá tư cách đạo đức của doanh nghiệp về sinh viên</i>	<i>25</i>
<i>Biểu đồ 27: Đánh giá kiến thức chuyên môn của doanh nghiệp về sinh viên</i>	<i>26</i>
<i>Biểu đồ 28: Đánh giá kỹ năng nghiệp vụ của doanh nghiệp về sinh viên.....</i>	<i>26</i>
<i>Biểu đồ 29: Đánh giá kỹ năng công nghệ thông tin của doanh nghiệp về sinh viên....</i>	<i>27</i>
<i>Biểu đồ 30: Đánh giá kỹ năng ngoại ngữ của doanh nghiệp về sinh viên</i>	<i>27</i>
<i>Biểu đồ 31: Đánh giá kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp của doanh nghiệp về sinh viên.....</i>	<i>28</i>
<i>Biểu đồ 32: Yêu cầu của doanh nghiệp đối với sinh viên về việc đào tạo.....</i>	<i>28</i>
<i>Biểu đồ 33: Thời gian doanh nghiệp đào tạo cho sinh viên</i>	<i>29</i>
<i>Biểu đồ 34: Kỹ năng sinh viên cần chú trọng nâng cao.....</i>	<i>30</i>
<i>Biểu đồ 35: Các hình thức hợp tác hỗ trợ của doanh nghiệp.....</i>	<i>30</i>
<i>Biểu đồ 36: Các giải pháp giúp sinh viên tìm việc của doanh nghiệp</i>	<i>31</i>

I. Tổng quan khảo sát

Nhằm khảo sát tình hình việc làm của sinh viên niên khoá 2010 - 2014 của Trường Đại học Nông Lâm TP.HCM, đồng thời cập nhật đánh giá của đơn vị sử dụng lao động về chất lượng đào tạo, năng lực của sinh viên trường trong niên khoá này. Hoạt động điều tra được thực hiện như sau:

1. MỤC ĐÍCH

- Cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục, thực hiện tốt công tác đảm bảo chất lượng của trường Đại học Nông Lâm TP.HCM.
- Tìm hiểu hình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp sau một năm ra trường đưa vào cơ sở dữ liệu cựu sinh viên
- Đánh giá mức độ hài lòng của doanh nghiệp (DN) về chất lượng ứng viên
- Xác định kiến thức, kỹ năng cần bổ sung, điều chỉnh cho sinh viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.
- Phục vụ công tác kiểm định đánh giá của trường.

2. ĐỐI TƯỢNG

Sinh viên: Đối tượng tham gia khảo sát bao gồm 468 sinh viên tốt nghiệp năm 2014 bậc đại học và cao đẳng hệ chính quy.

Doanh nghiệp: Đối tượng tham gia khảo sát bao gồm 21 doanh nghiệp hoạt động trên các lĩnh vực.

3. PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT

➤ Phương pháp khảo sát bằng bảng hỏi:

- Khảo sát bằng bảng hỏi đối với cựu sinh viên, giáo viên để tìm hiểu thực trạng việc làm của sinh viên trường Đại học Nông Lâm TP.HCM.
- Khảo sát bằng bảng hỏi đối với các doanh nghiệp để tìm hiểu mức độ hài lòng của doanh nghiệp đối với sinh viên.

➤ **Số lượng mẫu khảo sát:**

- **Sinh viên:** Khảo sát 468 sinh viên trong tổng số 3841 sinh viên tốt nghiệp năm 2014.
- **Doanh nghiệp:** 21 doanh nghiệp trên các lĩnh vực

➤ **Phương pháp xử lý phân tích số liệu:** Dùng phương pháp này để xử lý số liệu về tình hình việc làm của sinh viên cũng như mức độ hài lòng, đánh giá của doanh nghiệp với sinh viên trường Đại học Nông Lâm TP.HCM.

4. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Thời gian: 15/08/2016 – 31/12/2016

II. Phân tích mẫu khảo sát

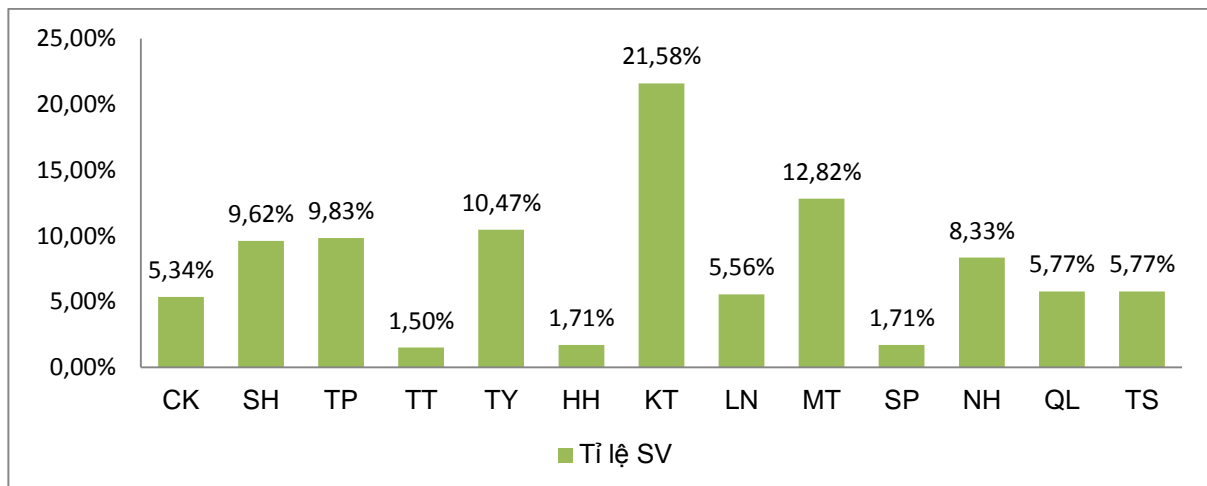
1. Đối với sinh viên

Khảo sát đã tiến hành phát phiếu điều tra 1500 SV của trường Đại học Nông Lâm TP.HCM, số phiếu thu vào là 510 phiếu trong đó có 42 phiếu không hợp lệ, số phiếu đưa vào phân tích là 468 phiếu. Dưới đây là kết quả nghiên cứu cụ thể:

1.1. Tỷ lệ sinh viên các Khoa tham gia khảo sát:

Stt	Khoa	Mã Khoa	Số sinh viên	Số lượng mẫu
1	Chăn nuôi thú y	TY	259	49
2	Nông học	NH	212	39
3	Môi trường Tài nguyên	MT	322	60
4	Ngoại ngữ - Sư phạm	NN	157	8
5	Lâm nghiệp	LL	150	26
6	Thủy sản	TS	233	27
7	Quản lý đất đai & Bất động sản	QL	687	27
8	Công nghệ thực phẩm	TP	222	46
9	Công nghệ thông tin	TT	69	7
10	Công nghệ hóa học	HH	87	8
11	Cơ khí công nghệ	CK	207	25
12	Công nghệ sinh học	SH	132	45
13	Kinh tế	KT	1104	101
Tổng cộng			3841	468

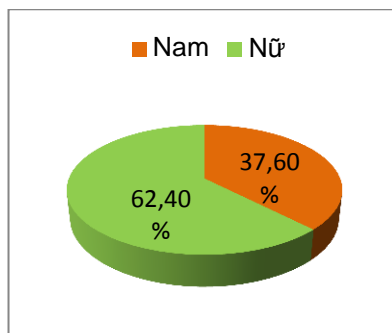
Bảng 1: Sinh viên các Khoa tham gia khảo sát



Biểu đồ 1: Tỷ lệ sinh viên các khoa tham gia khảo sát.

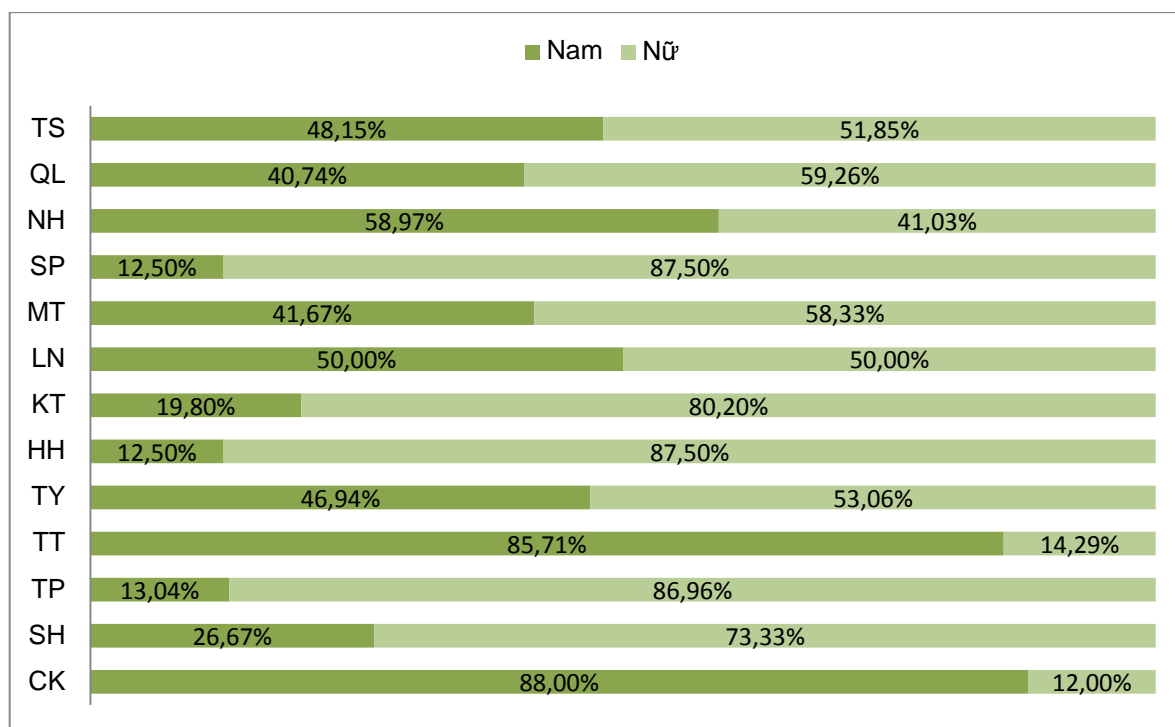
Việc khảo sát chưa thực hiện được trên toàn bộ sinh viên tốt nghiệp. Nguyên nhân chính là do sinh viên thay đổi email cá nhân, số điện thoại.

1.2. Tỷ lệ Nam – Nữ tham gia khảo sát



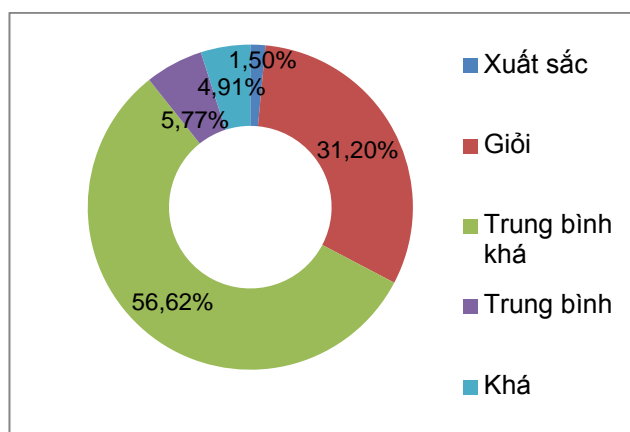
Biểu đồ 2: Tỷ lệ nam nữ trong khảo sát.

Theo biểu đồ 2, có 62,4% sinh viên nữ và 37,6% sinh viên nam tham gia khảo sát của tổng 13 khoa/bộ môn. Trong đó tùy theo tính chất từng ngành mà có tỷ lệ nam nữ sinh viên tham gia khác nhau như biểu đồ 3:



Biểu đồ 3: Tỷ lệ nam nữ theo khoa trong cuộc khảo sát.

1.3. Tỷ lệ học lực của SV tham gia khảo sát



Biểu đồ 4: Tỷ lệ học lực của SV tham gia khảo sát.

Theo biểu đồ 4, khi khảo sát ngẫu nhiên sinh viên, kết quả khảo sát cho thấy phần lớn sinh viên tốt nghiệp tham gia khảo sát có học lực tốt, trong đó học lực xuất sắc và giỏi chiếm 32,7%, học lực trung bình khá chiếm 56,62% và học lực khá chiếm 4,91%. Tỷ lệ sinh viên có học lực trung bình chiếm tỷ lệ 5,77%. Qua đó cho thấy ý thức học tập và khả năng tự học của sinh viên rất tốt.

2. Đối với đơn vị sử dụng lao động

Doanh nghiệp tham gia cuộc khảo sát hoạt động trên nhiều lĩnh vực khác nhau như Nông lâm ngư nghiệp, Thương mại, Bất động sản, Chế biến thực phẩm, Tài chính, ... Đa số là công ty TNHH với 53,33%; có 23,81% là doanh nghiệp cổ phần, và 19,05% là các đơn vị nhà nước.

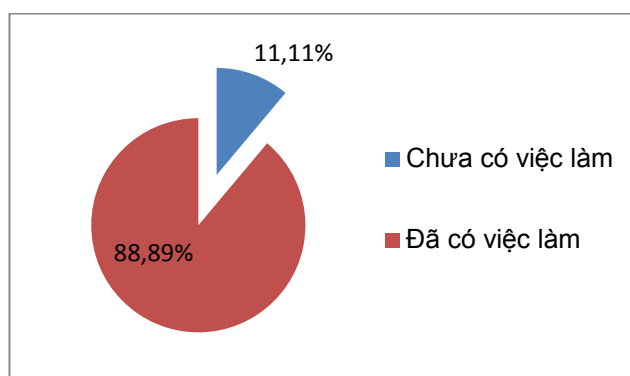
Thành phần doanh nghiệp	Số lượng	Tỷ lệ %
Nhà nước	4	19,05%
Cổ phần	5	23,81%
Trách nhiệm hữu hạn	12	57,14%
Hợp tác xã	0	0%
100% vốn nước ngoài	0	0%

Bảng 2: Thành phần doanh nghiệp tham gia khảo sát

III. Kết quả khảo sát

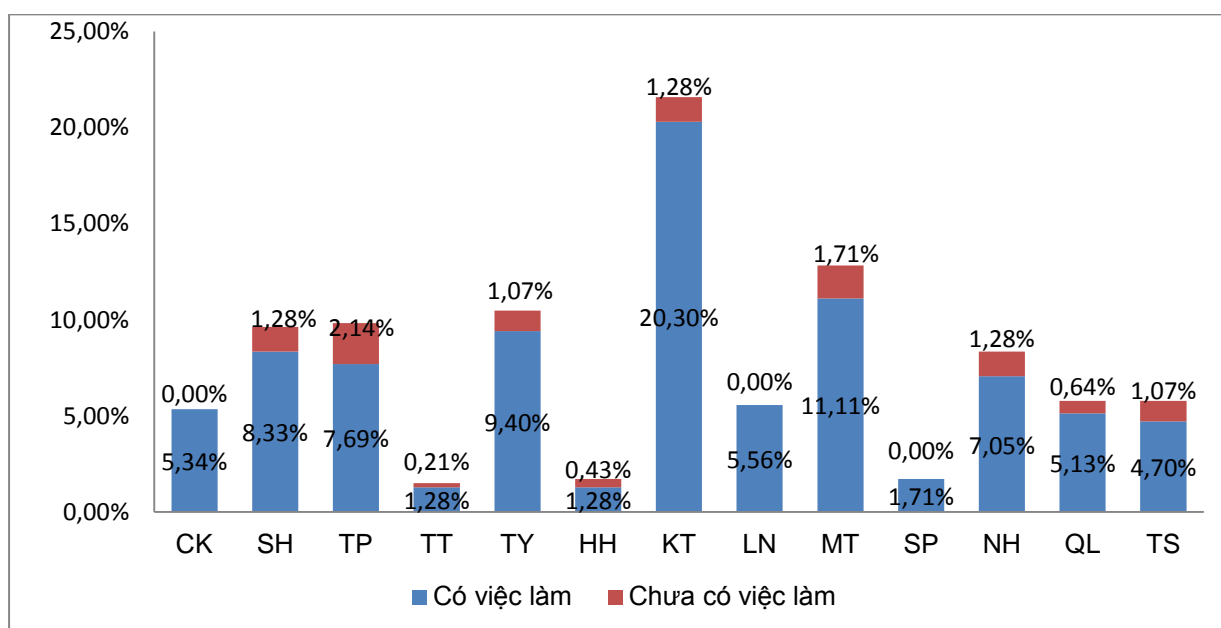
1. Phản hồi từ sinh viên

1.1. Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp



Biểu đồ 5: Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp.

Trong tổng số 468 sinh viên khảo sát có 416 sinh viên đã có việc làm chiếm tỷ lệ 88,89% và 52 sinh viên chưa có việc làm chiếm tỷ lệ 11,11%. Trong 11,11% sinh viên chưa có việc làm, có 2,99% sinh viên chưa có việc làm vì đang học lên cao học.

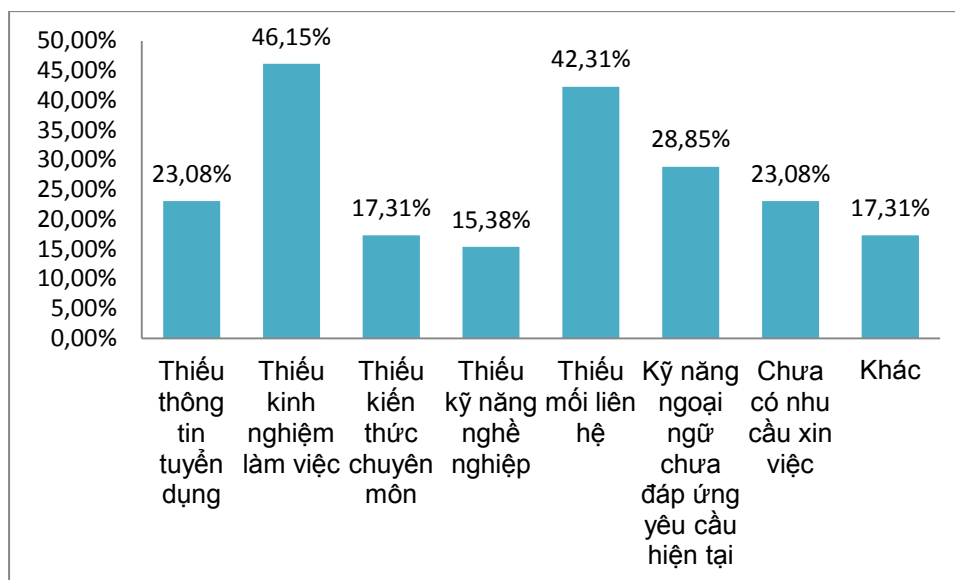


Biểu đồ 6: Tỷ lệ sinh viên có việc làm và chưa có việc làm sau khi tốt nghiệp theo khoa

Theo kết quả khảo sát cho thấy, sinh viên các khoa Ngoại ngữ Sư phạm, Lâm nghiệp, Cơ khí Công nghệ sinh viên ra trường sau một năm tốt nghiệp có việc làm chiếm tỷ lệ 100%.

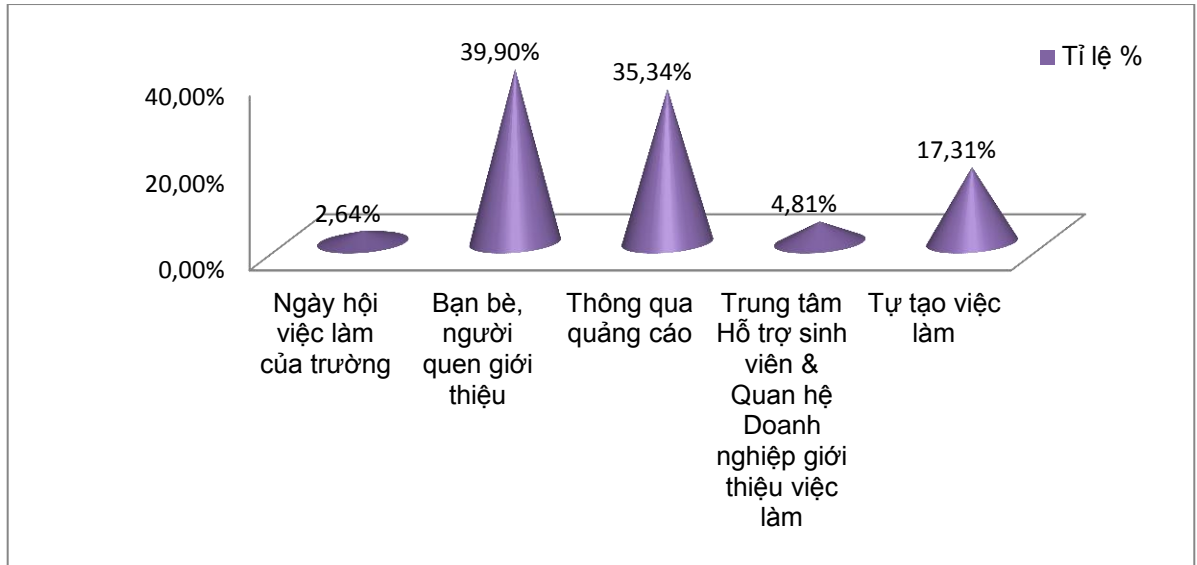
Ngoài ra, đối chiếu biểu đồ 1 và biểu đồ 6 cho thấy tỷ lệ sinh viên có việc làm sau một năm tốt nghiệp chiếm tỷ lệ cao đặc biệt ở các khoa Kinh tế, Chăn nuôi thú y, Môi trường tài nguyên.

Khi tìm hiểu sâu về lý do sinh viên chưa tìm được việc, kết quả chỉ ra rằng 46,15% sinh viên không tìm được việc làm là do thiếu kinh nghiệm làm việc, 42,31% cho rằng thiếu mối quan hệ, 28,85% sinh viên cho rằng kỹ năng ngoại ngữ chưa đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp, 23,08% cho rằng thiếu thông tin tuyển dụng và chưa có nhu cầu xin việc, 17,31% sinh viên cho rằng họ thiếu kiến thức chuyên môn, 15,38% sinh viên thiếu kỹ năng nghề nghiệp. Qua đó, cần đẩy mạnh việc tuyên truyền các thông tin tuyển dụng cũng như chú trọng đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên.



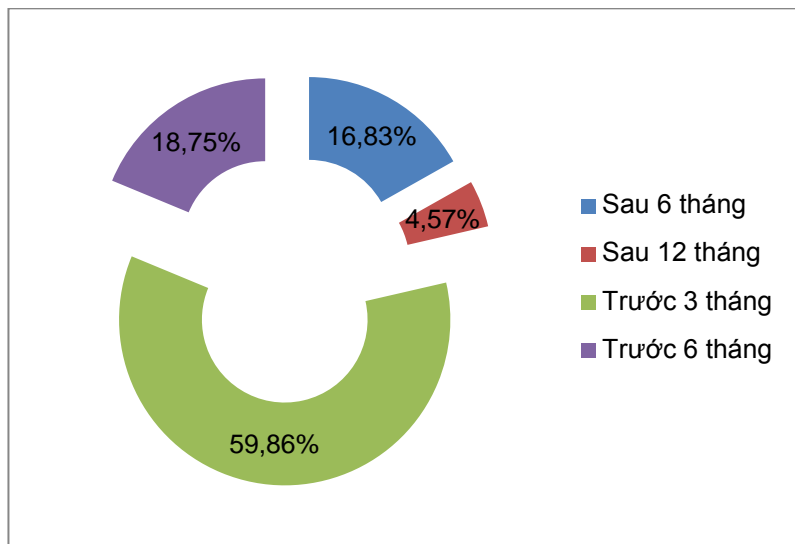
Biểu đồ 7: Lý do sinh viên chưa tìm được việc làm

Bên cạnh đó, khi khảo sát sinh viên về hình thức tìm việc thì 39,90% sinh viên tìm được việc làm thông qua bạn bè, người thân giới thiệu, 35,34% sinh viên tìm việc thông qua quảng cáo, 17,31% sinh viên tự tạo việc làm. Chỉ 7,45% sinh viên tìm được việc làm bởi nhà trường thông qua các hình thức: ngày hội việc làm, trung tâm giới thiệu việc làm, trường giới thiệu. Kết quả khảo sát cho thấy, công tác tuyên truyền và hỗ trợ, giới thiệu việc làm cho sinh viên còn hạn chế, số lượng sinh viên tự tạo việc làm ngày càng được nâng lên. Do đó, cần đẩy mạnh công tác hỗ trợ và giới thiệu việc làm cho sinh viên, đồng thời tạo điều kiện cho sinh viên tự tạo việc làm và khởi nghiệp.



Biểu đồ 8: Lý do sinh viên tìm được việc làm

1.2. Thời gian sinh viên có việc làm đầu tiên sau tốt nghiệp

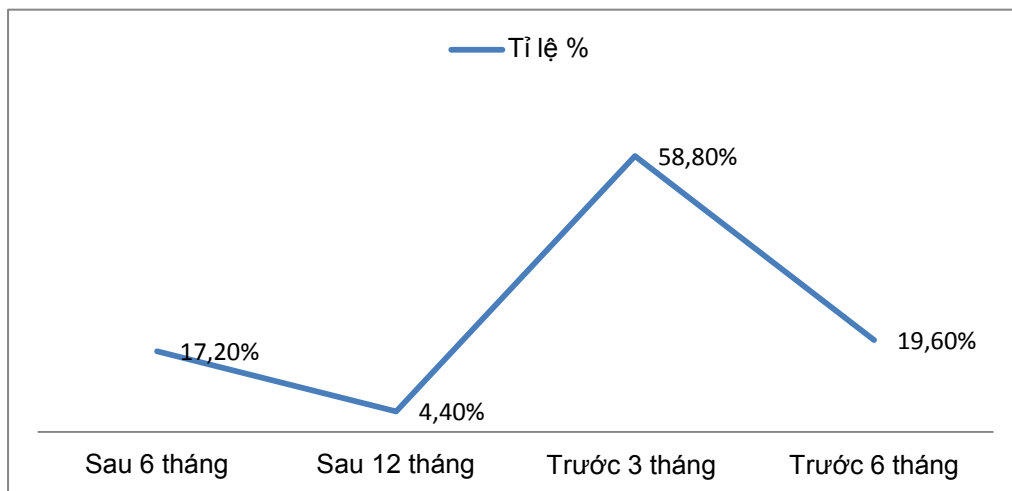


Biểu đồ 9: Thời gian sinh viên có việc làm đầu tiên sau tốt nghiệp

Theo kết quả khảo sát, 59,86% sinh viên có việc làm trước 3 tháng sau khi tốt nghiệp, 18,75% sinh viên có việc làm trước 6 tháng. Như vậy 78,61% sinh viên có việc làm sau khi ra trường trong thời gian trước 6 tháng. Qua đó, có thể thấy sinh viên của trường rất năng động trong việc tìm kiếm việc làm.

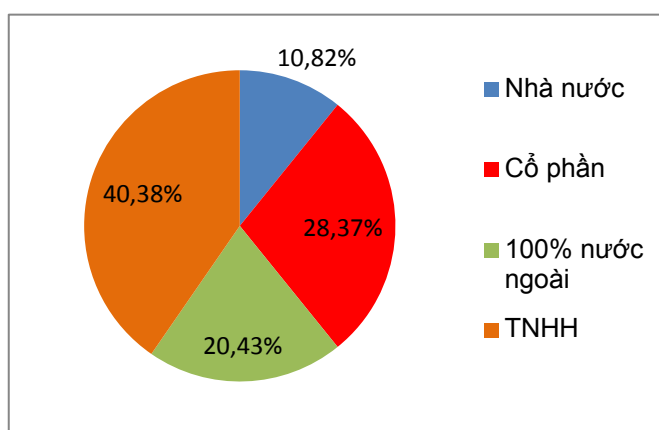
Đặc biệt, học lực của sinh viên không phải là yếu tố quyết định đến việc tìm việc của sinh viên. Trong 250 sinh viên xếp loại trung bình và trung bình khá của tổng số 416 sinh viên đã có việc làm, thì 58,8% sinh viên kiếm được việc trước 3 tháng sau khi

tốt nghiệp, 19,6% sinh viên kiếm được việc trước 6 tháng sau khi tốt nghiệp. Như vậy có tổng số 78,4% sinh viên kiếm được việc làm trước 6 tháng sau khi tốt nghiệp.



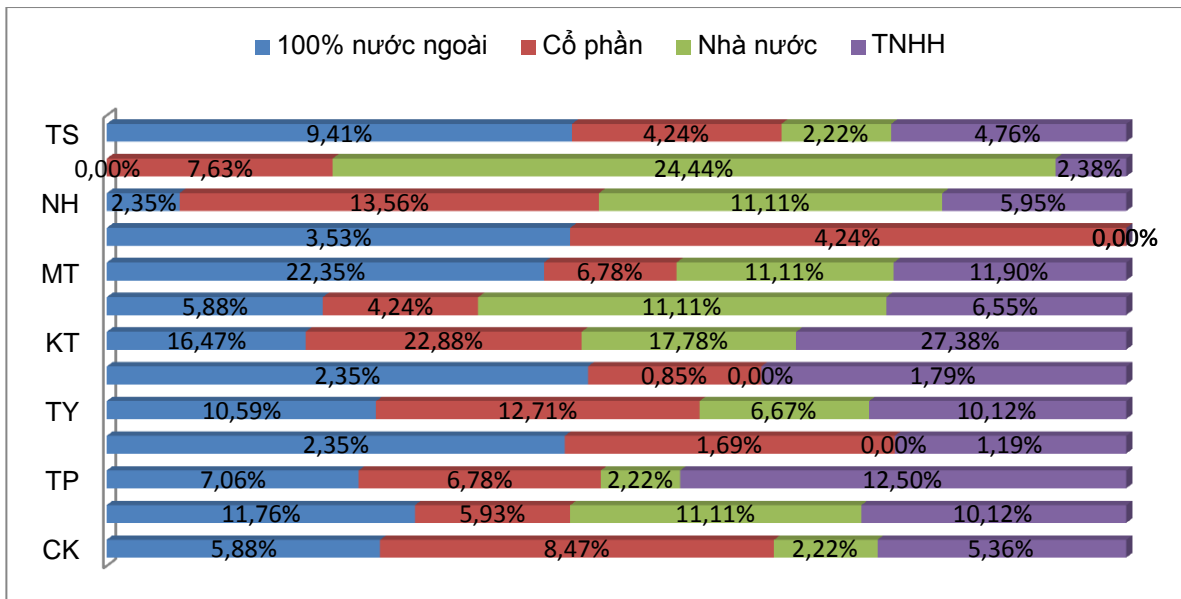
Biểu đồ 10: Tỷ lệ sinh viên học lực trung bình và trung bình khá có việc làm sau khi tốt nghiệp

1.3. Thành phần kinh tế sinh viên tham gia làm việc



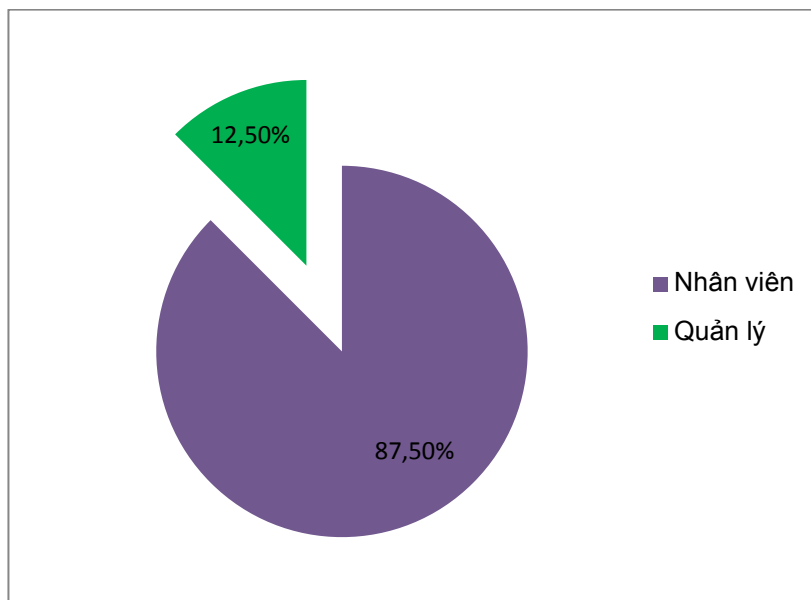
Biểu đồ 11: Tỷ lệ thành phần kinh tế sinh viên tham gia làm việc.

Khi khảo sát thành phần kinh tế sinh viên tham gia làm việc, có 40,38% sinh viên làm việc tại các công ty TNHH, 28,37% sinh viên làm việc tại các công ty cổ phần, 20,43% sinh viên làm việc tại các công ty 100% nước ngoài; 10,82% sinh viên làm việc tại các đơn vị nhà nước. Qua đó, cho thấy loại hình và thành phần kinh tế sinh viên tham gia làm việc khá đa dạng. Thành phần kinh tế nhà nước ít được sinh viên lựa chọn. Các thành phần kinh tế này cũng khác nhau giữa các khoa như biểu đồ 12:



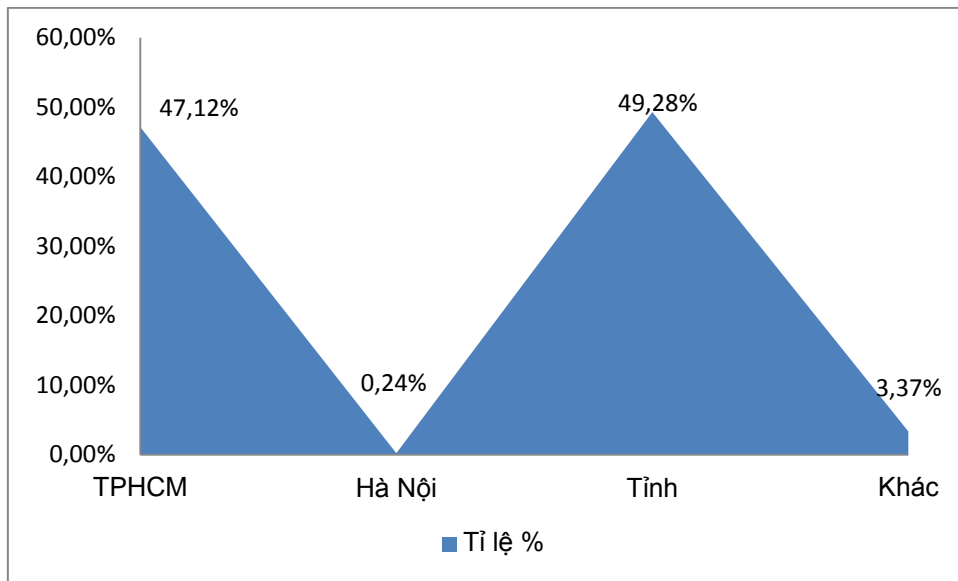
Biểu đồ 12: Tỷ lệ thành phần kinh tế sinh viên tham gia làm việc theo khoa.

Sinh viên làm việc tại nhiều thành phần kinh tế khác nhau với các vai trò khác nhau. Trong đó, 87,5% sinh viên ra trường giữ vị trí nhân viên, 12,5% sinh viên ra trường giữ chức vụ quản lý. Số lượng sinh viên giữ chức vụ quản lý không tập trung vào một khoa mà trải đều ở các khoa/ bộ môn.



Biểu đồ 13: Vai trò của sinh viên trong công việc.

1.4. Nơi công tác

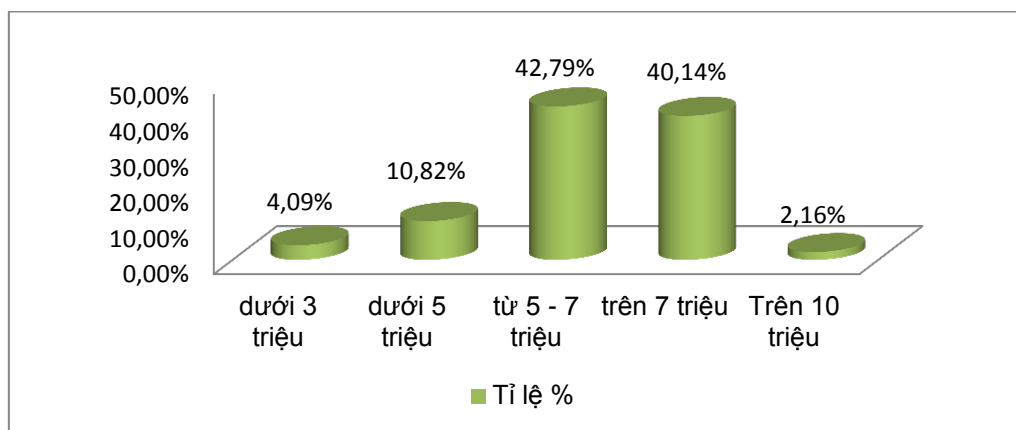


Biểu đồ 14: Nơi công tác

Theo kết quả khảo sát về nơi công tác của sinh viên, sau khi ra trường, sinh viên làm việc chủ yếu tại các tỉnh nơi mình sinh sống chiếm tỷ lệ 49,28% và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh chiếm tỷ lệ 47,12%. Hà Nội chiếm số lượng nhỏ số lượng sinh viên làm việc tại đó.

1.5. Mức thu nhập của sinh viên

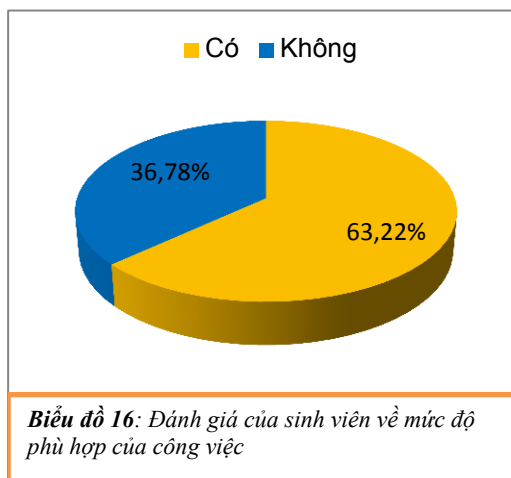
Khi khảo sát mức thu nhập của sinh viên khi đi làm có 14,91% sinh viên có mức thu nhập thấp dưới 5 triệu đồng, 42,79% sinh viên trả lời có thu nhập từ 5 – 7 triệu đồng, 40,14% sinh viên có thu nhập trên 7 triệu đồng. Do đó 82,93% sinh viên có mức thu nhập trên 5 triệu đồng. Do đó, thu nhập bình quân của sinh viên tương đối hợp lý so với thị trường lao động.



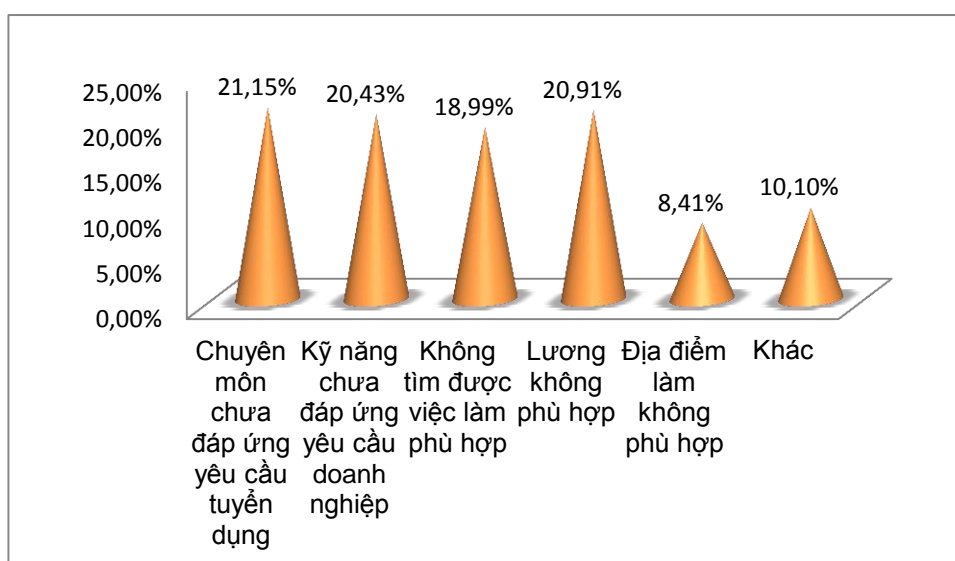
Biểu đồ 15: Mức thu nhập của sinh viên

1.6. Đánh giá của sinh viên về chất lượng đào tạo kiến thức

Khi khảo sát sinh viên về công việc hiện tại của các bạn đang làm có đúng ngành đào tạo, kết quả cho thấy 63,22% sinh viên cho rằng công việc họ đang làm đúng với ngành đào tạo, 36,78% sinh viên cho rằng công việc của họ không đúng với ngành đào tạo. Qua đó có thể nhận thấy thị trường việc làm cho sinh viên của trường đáp ứng khoảng 64% nhu cầu đúng ngành, đúng việc cho sinh viên. Số liệu cũng cho thấy chương trình đào tạo đáp ứng được yêu cầu phổ rộng của các ngành nghề trong xã hội.

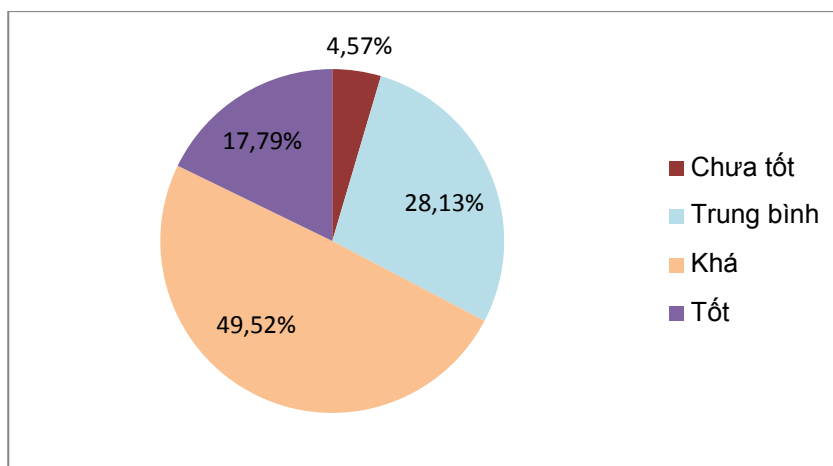


Khi khảo sát lý do dẫn đến việc làm không phù hợp, 21,15% sinh viên trả lời vì chuyên môn chưa đáp ứng yêu cầu tuyển dụng, 20,91% sinh viên cho rằng lương không phù hợp, 20,43% nguyên nhân là do kỹ năng chưa đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp, 18,99% sinh viên cho rằng không tìm được việc làm phù hợp và 8,41% sinh viên cho rằng địa điểm làm việc chưa phù hợp với họ. Đặc biệt 10,10% đưa ra các nguyên nhân khác khiến họ không có việc làm như: chưa biết định hướng công việc phù hợp với năng lực và sở thích, văn hóa công ty không phù hợp với tính cách của sinh viên hoặc các vị trí tuyển không phù hợp với giới tính...



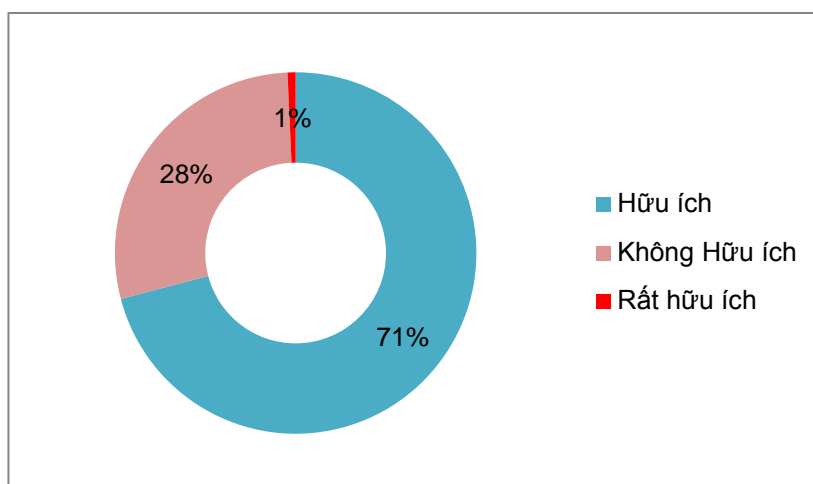
Biểu đồ 17: Lý do công việc không phù hợp

Khi khảo sát sinh viên về chất lượng đào tạo, 49,52% sinh viên cho rằng chất lượng đào tạo của trường ở mức độ khá, 17,79% sinh viên cho rằng ở mức độ tốt. Chỉ 4,57% sinh viên cho rằng chất lượng đào tạo của trường chưa tốt. Như vậy 67,31% sinh viên đánh giá tốt về chất lượng đào tạo của trường. Nhìn chung theo đánh giá của sinh viên chất lượng đào tạo của trường tốt.



Biểu đồ 18: Đánh giá của sinh viên về chất lượng đào tạo

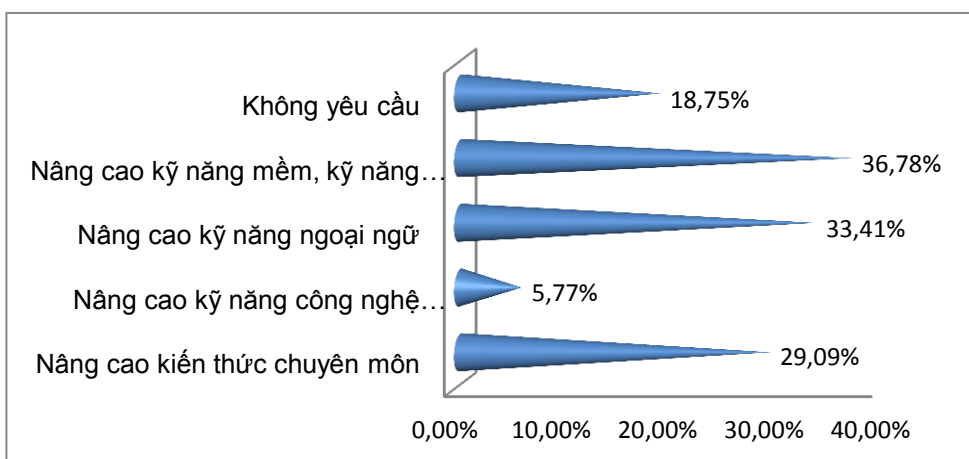
Kết quả khảo sát về kiến thức được trường đào tạo có hữu ích cho công việc của sinh viên khi ra trường, 71% sinh viên cho rằng kiến thức này hữu ích cho sinh viên, 1% sinh viên cho rằng kiến thức này rất hữu ích cho sinh viên. Như vậy 72% sinh viên đánh giá kiến thức được đào tạo tại trường rất hữu ích đối với họ.



Biểu đồ 19: Đánh giá của sinh viên về mức độ hữu ích của kiến thức học tại trường đối với công việc

Bên cạnh đó, khi khảo sát sinh viên về các kiến thức cần được nâng cao để đáp ứng yêu cầu công việc, 36,78% sinh viên cần nâng cao kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp, 33,41% sinh viên cần nâng cao ngoại ngữ, 29,09% sinh viên cần nâng cao kiến

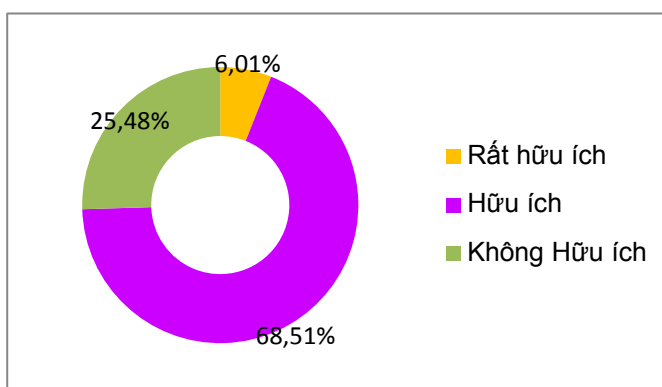
thức chuyên môn. Do đó, mặc dù đánh giá của sinh viên về mức độ hữu ích của kiến thức tại trường đối với công việc rất cao nhưng sinh viên cần nâng cao thêm kiến thức chuyên môn nhằm đáp ứng nhu cầu chuyên sâu hơn của từng vị trí công việc. Đặc biệt sinh viên cần phải nâng cao kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp. Do đó, cần chú trọng và đẩy mạnh công tác huấn luyện kỹ năng mềm và kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên khi còn học tại trường.



Biểu đồ 20: Ý kiến của sinh viên về kiến thức cần nâng cao

1.7. Đánh giá của sinh viên về chất lượng đào tạo kỹ năng

Khi khảo sát sinh viên về kỹ năng được trường đào tạo có hữu ích cho công việc của sinh viên khi ra trường, 68,51% sinh viên cho rằng kiến thức này hữu ích cho sinh viên, 6,01% sinh viên cho rằng kiến thức này rất hữu ích cho sinh viên. Như vậy 74,52% sinh viên đánh giá kiến thức được đào tạo tại trường rất hữu ích đối với họ.



Biểu đồ 21: Đánh giá của sinh viên về mức độ hữu ích của kỹ năng học tại trường đối với công việc

Dựa trên nhu cầu nâng cao kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên cao do đó tiến hành khảo sát nhu cầu được đào tạo kỹ năng của sinh viên đối với một số kỹ năng sau đây:

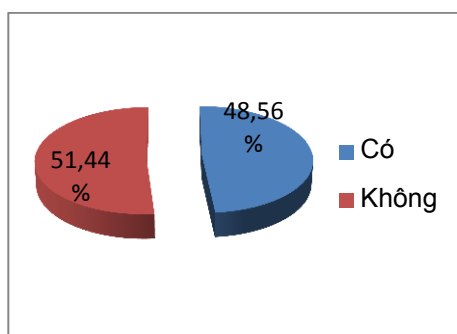
Kỹ năng	Tỷ lệ %
Kỹ năng ngoại ngữ	76,68%
Kỹ năng giao tiếp	68,51%
Kỹ năng giải quyết vấn đề	66,11%
Kỹ năng phân tích và đánh giá thông tin	53,85%
Kỹ năng lập kế hoạch	51,68%
Kỹ năng tư duy sáng tạo	44,23%
Kỹ năng quản lý	43,75%
Kỹ năng thuyết trình	40,38%
Kỹ năng làm việc nhóm	39,66%
Khác	0,96%

Bảng 3: Ý kiến của sinh viên về kỹ năng cần đào tạo

Trong các nhóm kỹ năng như bảng 3, sinh viên được chọn các nhóm kỹ năng mong muốn được học, 76,68% sinh viên mong muốn được học kỹ năng ngoại ngữ, 68,51% sinh viên mong muốn được đào tạo kỹ năng giao tiếp, 66,11% sinh viên trả lời kỹ năng giải quyết vấn đề. Như vậy trên 50% sinh viên được hỏi cho rằng họ muốn được học 4 kỹ năng: ngoại ngữ, giải quyết vấn đề, phân tích và đánh giá thông tin và kỹ năng lập kế hoạch. Trên 39% sinh viên mong muốn được học các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tư duy sáng tạo, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng quản lý, kỹ năng phân tích và đánh giá. Qua đó, sinh viên rất ý thức rèn luyện ngoại ngữ và một số kỹ năng cần thiết. Vì vậy, nhà trường cần đẩy mạnh công tác đào tạo kỹ năng cho sinh viên ngay khi sinh viên còn học tại trường.

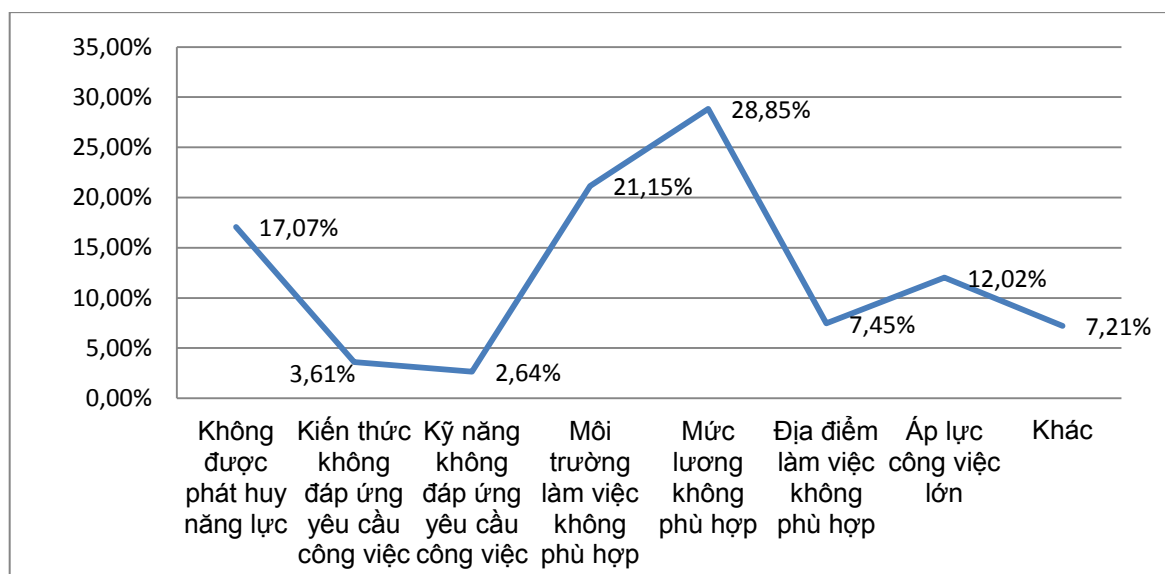
1.8. Đánh giá mức độ ổn định công việc

Tiến hành khảo sát sinh viên về ý định chuyển đổi công việc, 51,44% sinh viên không có ý định chuyển đổi công việc, 48,56% sinh viên có ý định chuyển đổi công việc. Như vậy tỷ lệ sinh viên có ý định và không có ý định chuyển đổi việc không chênh lệch nhiều.



Biểu đồ 22: Ý định của sinh viên về việc chuyển đổi công việc

Nguyên nhân dẫn đến việc 48,56% sinh viên có ý định chuyển việc là do: 28,85% sinh viên có ý định chuyển việc là do mức lương không phù hợp, 21,15% nguyên nhân là do môi trường làm việc không phù hợp, 17,07% nguyên nhân là do không được phát huy năng lực, 12,02% nguyên nhân là do áp lực công việc lớn. Do vậy, để sinh viên đảm bảo gắn bó, ổn định với công việc thì các doanh nghiệp cần giúp họ đảm bảo đời sống và có môi trường làm việc thoải mái và phù hợp nhất.



Biểu đồ 23: Nguyên nhân sinh viên chuyển đổi công việc

Để tăng cường và giúp sinh viên tìm được việc làm sau khi tốt nghiệp, sinh viên đã đề xuất một số giải pháp như sau: 78,13% sinh viên cho rằng cần tăng cường các khóa đào tạo kỹ năng cho sinh viên, 64,18% sinh viên đề nghị tăng thời gian thực tập/kiến tập, 63,7% sinh viên nói chương trình đào tạo cần điều chỉnh và cập nhật theo nhu cầu thị trường lao động, 61,3% cho rằng cần tăng thời gian thực hành/thí nghiệm

và 56,73% sinh viên cho rằng cần thường xuyên tổ chức các chương trình phỏng vấn tuyển dụng tại trường. Như vậy, cần tăng cường các hoạt động ngoại khóa, tăng thực hành, thực tập cho sinh viên. Đặc biệt cần chú trọng việc rèn luyện kỹ năng cho sinh viên để tăng khả năng hòa nhập vào môi trường làm việc.

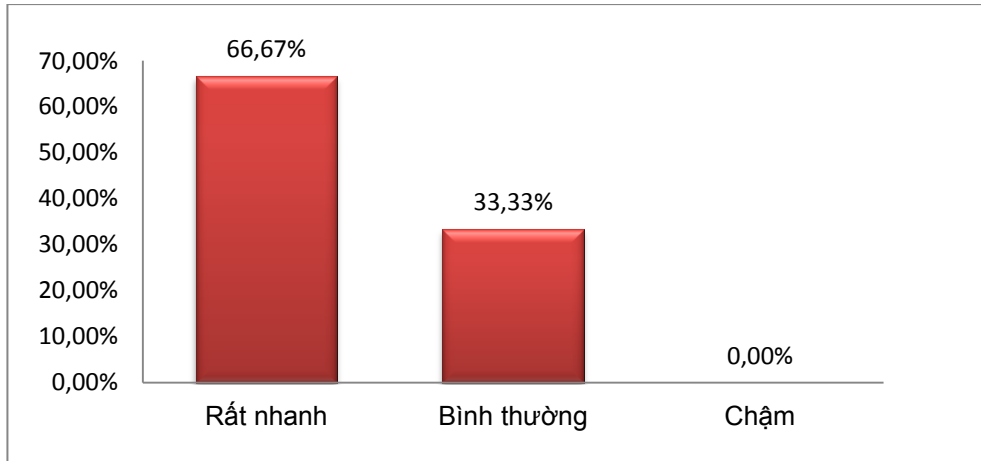
Các giải pháp giúp sinh viên tìm việc làm sau khi tốt nghiệp	Tỷ lệ %
Tăng cường các khóa đào tạo kỹ năng cho sinh viên	78,13%
Tăng thời gian thực tập/kiến tập	64,18%
Chương trình đào tạo cần điều chỉnh và cập nhật theo nhu cầu của thị trường lao động	63,70%
Tăng thời gian thực hành/thí nghiệm	61,30%
Thường xuyên tổ chức các chương trình phỏng vấn tuyển dụng tại trường	56,73%
Nhà trường cập nhật thông tin về nhu cầu sử dụng lao động xã hội	40,87%
Tăng cường tổ chức ngày hội việc làm	39,66%
các nhà tuyển dụng cam kết với trường về việc tuyển dụng sinh viên sau khi tốt nghiệp	37,98%
Các nhà tuyển dụng tham gia xây dựng chương trình đào tạo	36,06%
Các nhà tuyển dụng tham gia đào tạo cùng nhà trường	34,38%
Khác	6,73%

Bảng 4: Các giải pháp nâng cao khả năng tìm việc cho sinh viên

2. Phản hồi từ đơn vị sử dụng lao động

Khi tiến hành khảo sát 21 doanh nghiệp có sinh viên của trường Đại học Nông Lâm TP.HCM làm việc tại doanh nghiệp, kết quả khảo sát cho thấy:

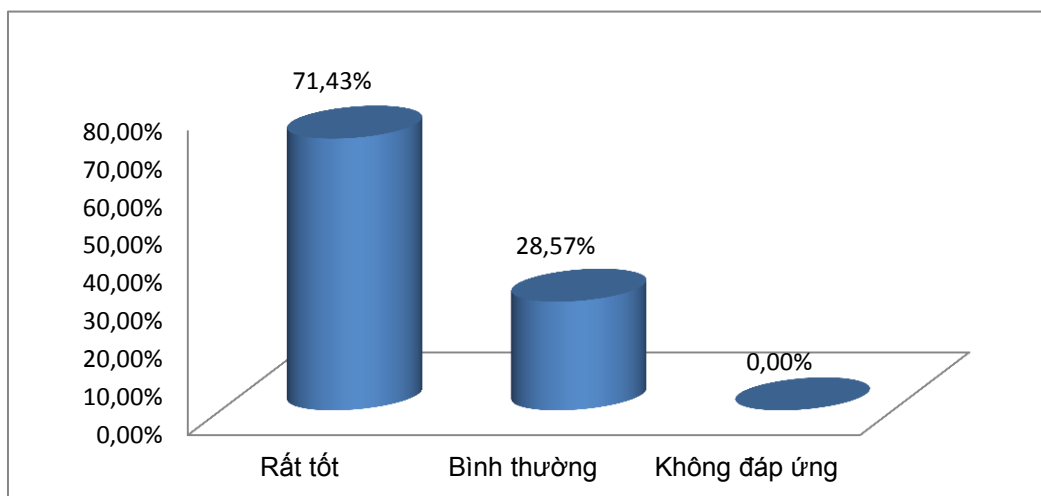
2.1. Khả năng thích ứng với công việc thực tế của sinh viên khi bắt đầu công tác tại đơn vị



Biểu đồ 24: Khả năng thích ứng với công việc thực tế của sinh viên khi bắt đầu công tác tại đơn vị

Phần lớn sinh viên đều thích ứng với công việc rất nhanh. 66,67% doanh nghiệp trả lời khả năng thích ứng với công việc thực tế của sinh viên khi bắt đầu làm việc tại doanh nghiệp rất nhanh.

Bên cạnh đó, khi khảo sát về mức độ đáp ứng yêu cầu của công việc 71,43% doanh nghiệp đánh giá mức độ đáp ứng rất tốt yêu cầu của công việc. 28,57% mức độ đáp ứng của sinh viên ở mức bình thường.



Biểu đồ 25: Mức độ đáp ứng với yêu cầu công việc của sinh viên khi bắt đầu công tác tại đơn vị

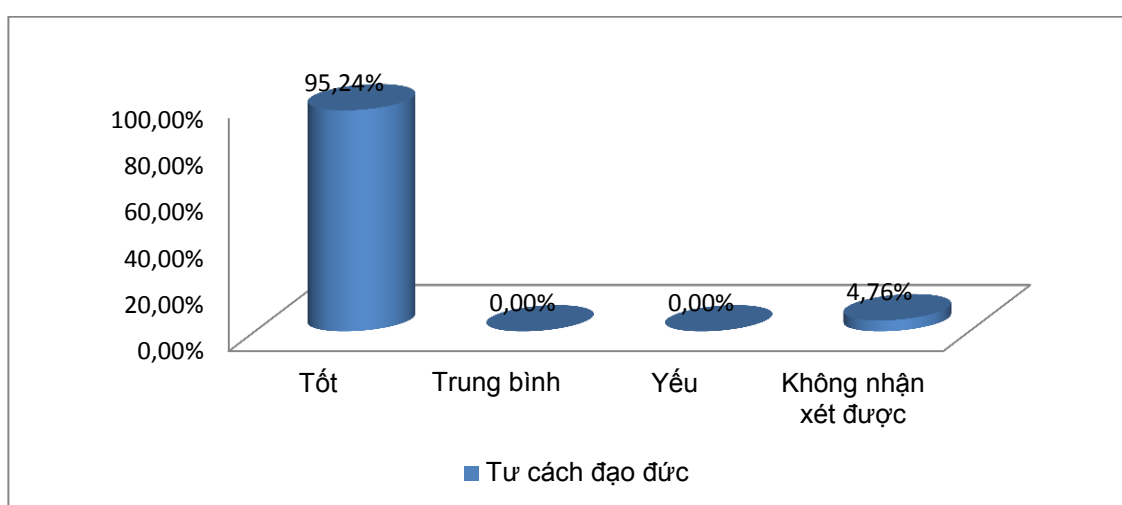
2.2. Đánh giá tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên

Qua đánh giá tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên, kết quả chỉ ra: doanh nghiệp đánh giá rất cao tư cách đạo đức của sinh viên. 95,24% doanh nghiệp đánh giá tư cách đạo đức của sinh viên ở mức tốt. Tuy nhiên các kỹ năng ngoại ngữ, kỹ năng nghiệp vụ và kỹ năng công nghệ thông tin được đánh giá ở mức độ trung bình như bảng 6:

Các yếu tố	Tốt	Trung bình	Yếu	Không nhận xét được
Tư cách đạo đức	95,24%	0,00%	0,00%	4,76%
Kiến thức chuyên môn	42,86%	38,10%	0,00%	19,05%
Kỹ năng nghiệp vụ	19,05%	66,67%	0,00%	14,29%
Kỹ năng công nghệ thông tin	23,81%	66,67%	0,00%	9,52%
Kỹ năng ngoại ngữ	4,76%	71,43%	19,05%	4,76%
Kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp	38,10%	57,14%	4,76%	0,00%

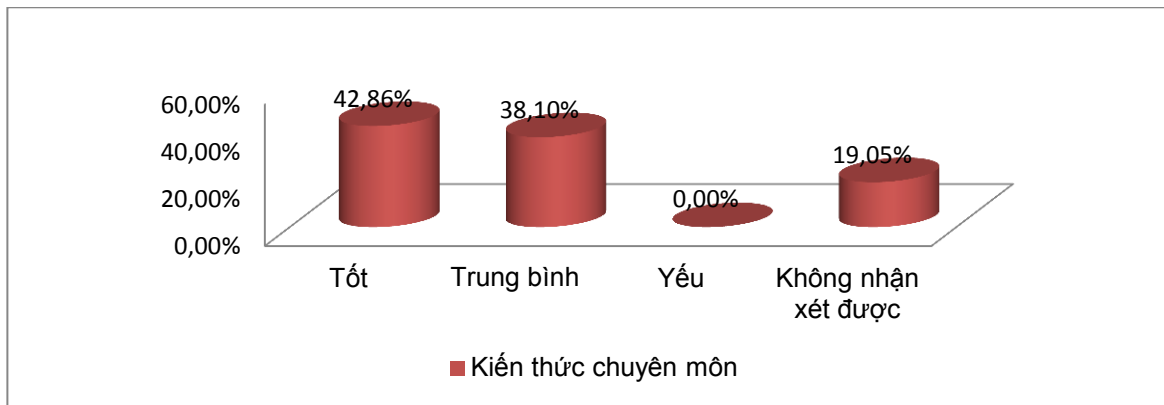
Bảng 5: Đánh giá tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên

Đi sâu vào đánh giá từng yếu tố của doanh nghiệp, 95,24% doanh nghiệp đánh giá tư cách đạo đức sinh viên ở mức độ tốt, 4,76% còn lại doanh nghiệp không đưa nhận xét.



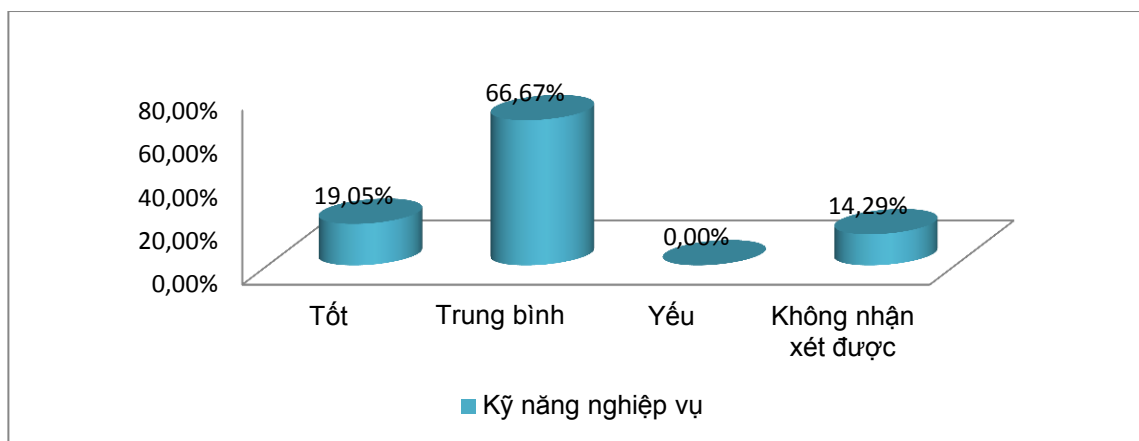
Biểu đồ 26: Đánh giá tư cách đạo đức của doanh nghiệp về sinh viên

Khi doanh nghiệp đánh giá kiến thức chuyên môn của sinh viên, 41,86% sinh viên được đánh giá ở mức độ tốt, 38,10% sinh viên được đánh giá trung bình. Như vậy kiến thức chuyên môn của sinh viên chưa được doanh nghiệp đánh giá cao. Do đó, cần nâng cao chất lượng đào tạo cho sinh viên.



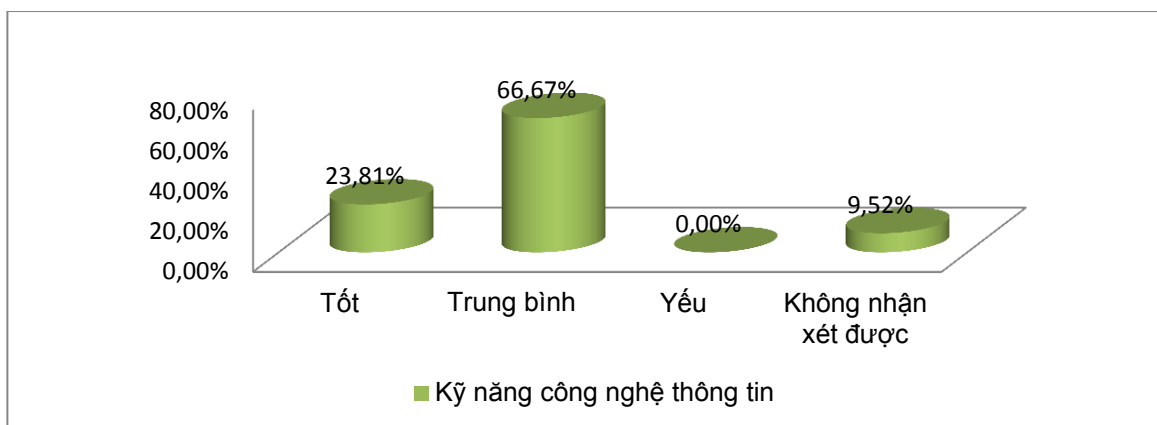
Biểu đồ 27: Đánh giá kiến thức chuyên môn của doanh nghiệp về sinh viên

Khi doanh nghiệp đánh giá kỹ năng nghiệp vụ của sinh viên, 64,67% sinh viên được đánh giá ở mức độ trung bình, 19,05% sinh viên được đánh giá ở mức độ tốt. Như vậy kỹ năng nghiệp vụ của sinh viên chưa được doanh nghiệp đánh giá cao. Do đó, cần tăng cường đào tạo kỹ năng nghiệp vụ cho sinh viên.



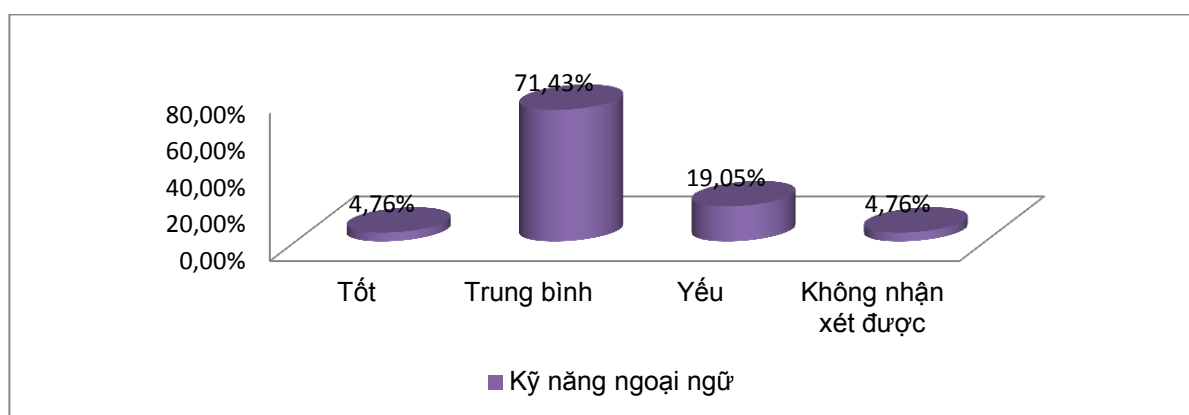
Biểu đồ 28: Đánh giá kỹ năng nghiệp vụ của doanh nghiệp về sinh viên

Khi doanh nghiệp đánh giá kỹ năng công nghệ thông tin của sinh viên, 66,67% sinh viên được đánh giá ở mức độ trung bình, 23,81% sinh viên được đánh giá ở mức độ tốt. Như vậy kỹ năng công nghệ thông tin của sinh viên chưa được doanh nghiệp đánh giá cao. Do đó, cần tăng cường đào tạo kỹ năng công nghệ thông tin cho sinh viên.



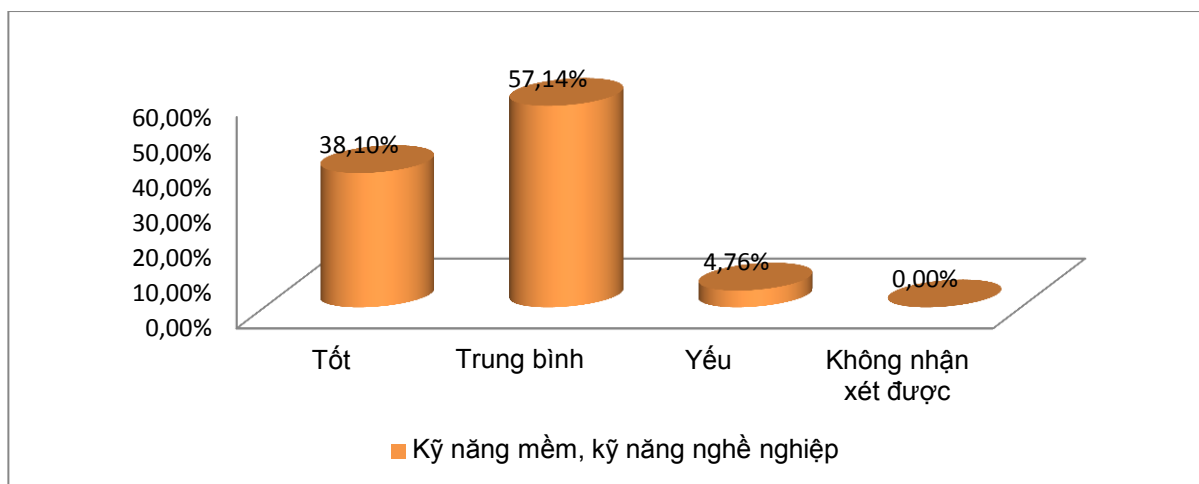
Biểu đồ 29: Đánh giá kỹ năng công nghệ thông tin của doanh nghiệp về sinh viên

Khi doanh nghiệp đánh giá kỹ năng ngoại ngữ của sinh viên, 71,43% sinh viên được đánh giá ở mức độ trung bình, 4,76% sinh viên được đánh giá ở mức độ tốt, 19,05% sinh viên được đánh giá ở mức độ yếu. Như vậy kỹ năng ngoại ngữ của sinh viên chưa được doanh nghiệp đánh giá cao. Do đó, cần tăng cường đào tạo kỹ năng ngoại ngữ cho sinh viên.



Biểu đồ 30: Đánh giá kỹ năng ngoại ngữ của doanh nghiệp về sinh viên

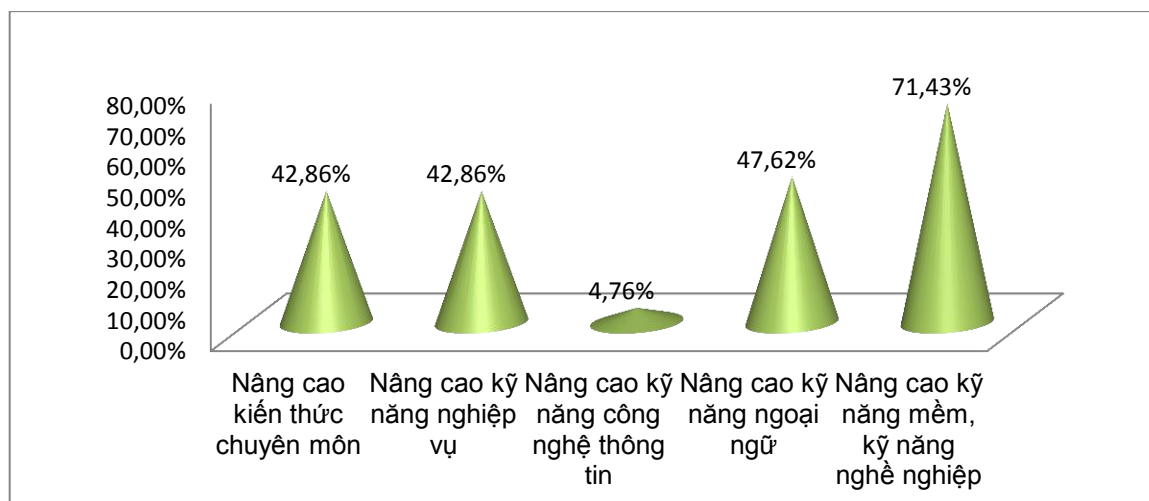
Khi doanh nghiệp đánh giá kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên, 57,14% sinh viên được đánh giá ở mức độ trung bình, 38,10% sinh viên được đánh giá ở mức độ tốt, 4,76% sinh viên được đánh giá ở mức độ yếu. Như vậy kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên chưa được doanh nghiệp đánh giá cao. Do đó, cần tăng cường đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên.



Biểu đồ 31: Đánh giá kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp của doanh nghiệp về sinh viên

2.3. Những kiến thức doanh nghiệp đào tạo

Sau đánh giá tổng quan của doanh nghiệp về sinh viên, việc khảo sát doanh nghiệp về đào tạo thêm cho sinh viên, 100% doanh nghiệp đều đào tạo thêm cho sinh viên trong đó, 71,43% doanh nghiệp yêu cầu sinh viên nâng cao kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp, 47,62% sinh viên cần nâng cao kỹ năng ngoại ngữ, 42,86% sinh viên cần nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghiệp vụ như biểu đồ 32.



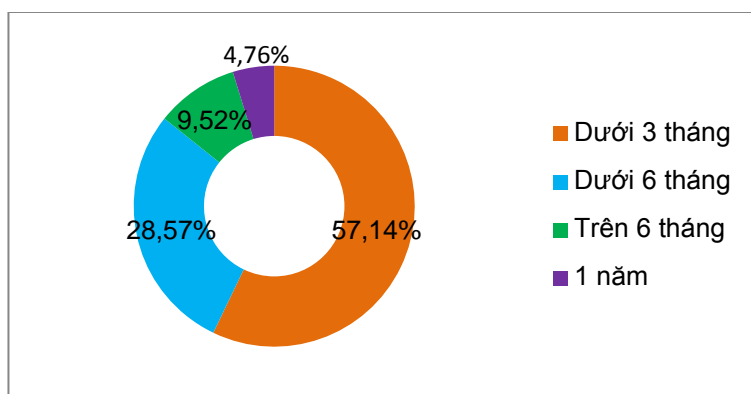
Biểu đồ 32: Yêu cầu của doanh nghiệp đối với sinh viên về việc đào tạo

Theo doanh nghiệp, 71,43% sinh viên được doanh nghiệp đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp, 52,38% sinh viên được doanh nghiệp đào tạo kỹ năng nghiệp vụ và 33,33% doanh nghiệp đào tạo kiến thức chuyên môn cho sinh viên. Như vậy, doanh nghiệp rất chú trọng đến việc đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên. Đồng thời kỹ năng nghiệp vụ cũng được doanh nghiệp quan tâm và đào tạo.

Nội dung đào tạo	Tỷ lệ %
Kiến thức chuyên môn	33,33%
Kỹ năng nghiệp vụ	52,38%
Kỹ năng công nghệ thông tin	4,76%
Kỹ năng ngoại ngữ	33,33%
Kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp	71,43%

Bảng 6: Nội dung doanh nghiệp đào tạo cho sinh viên

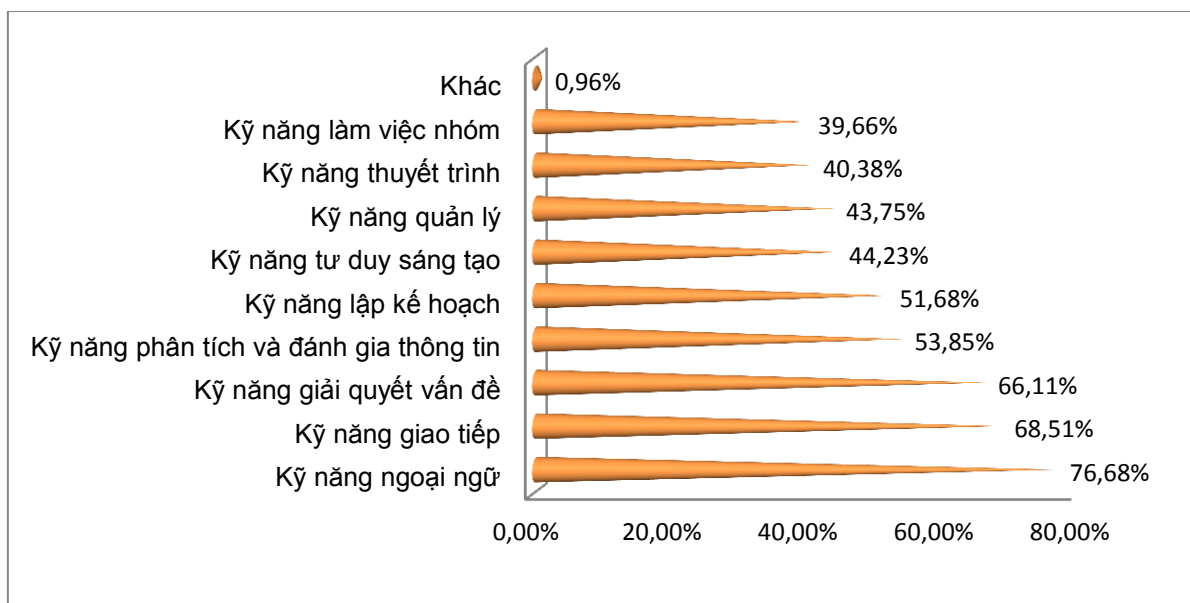
Thời gian doanh nghiệp đào tạo thêm cho sinh viên khi làm việc tại công ty dưới 3 tháng chiếm 57,14%, dưới 6 tháng chiếm 28,57%. Như vậy, 85,71% doanh nghiệp đào tạo thêm cho sinh viên trong thời gian dưới 6 tháng như biểu đồ 33. Đây là khóa đào tạo ngắn hạn doanh nghiệp cần sinh viên bồi dưỡng để hỗ trợ và phục vụ công việc.



Biểu đồ 33: Thời gian doanh nghiệp đào tạo cho sinh viên

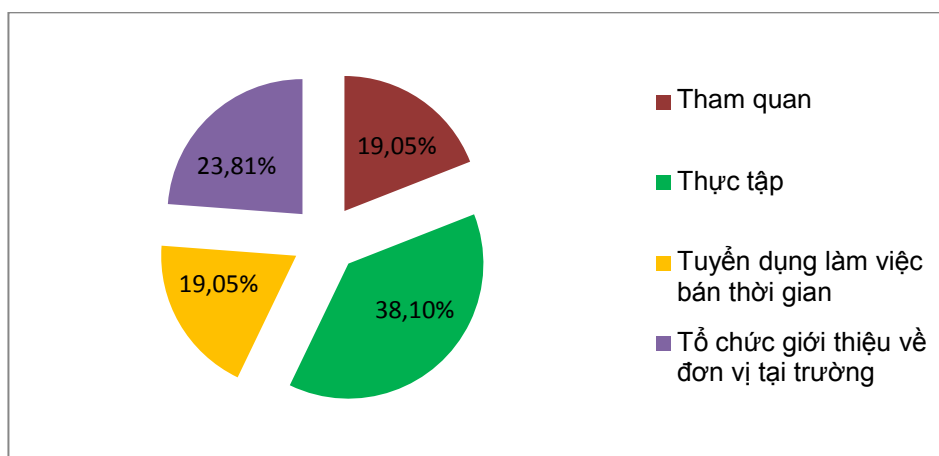
2.4. Những kỹ năng sinh viên cần chú trọng nâng cao

Kết quả khảo sát về những kỹ năng sinh viên cần chú trọng cho thấy. 76,68% doanh nghiệp khuyên sinh viên cần chú trọng nâng cao kỹ năng ngoại ngữ, 68,51% sinh viên cần chú trọng kỹ năng giao tiếp, 66,11% sinh viên cần nâng cao kỹ năng giải quyết vấn đề, 53,83% sinh viên cần nâng cao kỹ năng phân tích và đánh giá thông tin, 51,68% sinh viên cần nâng cao kỹ năng lập kế hoạch. Qua đó, doanh nghiệp mong muốn sinh viên không chỉ chú trọng kiến thức chuyên môn mà cần chú trọng rèn luyện và nâng cao các nhóm kỹ năng nhằm phục vụ cho công việc được tốt hơn và toàn diện hơn.



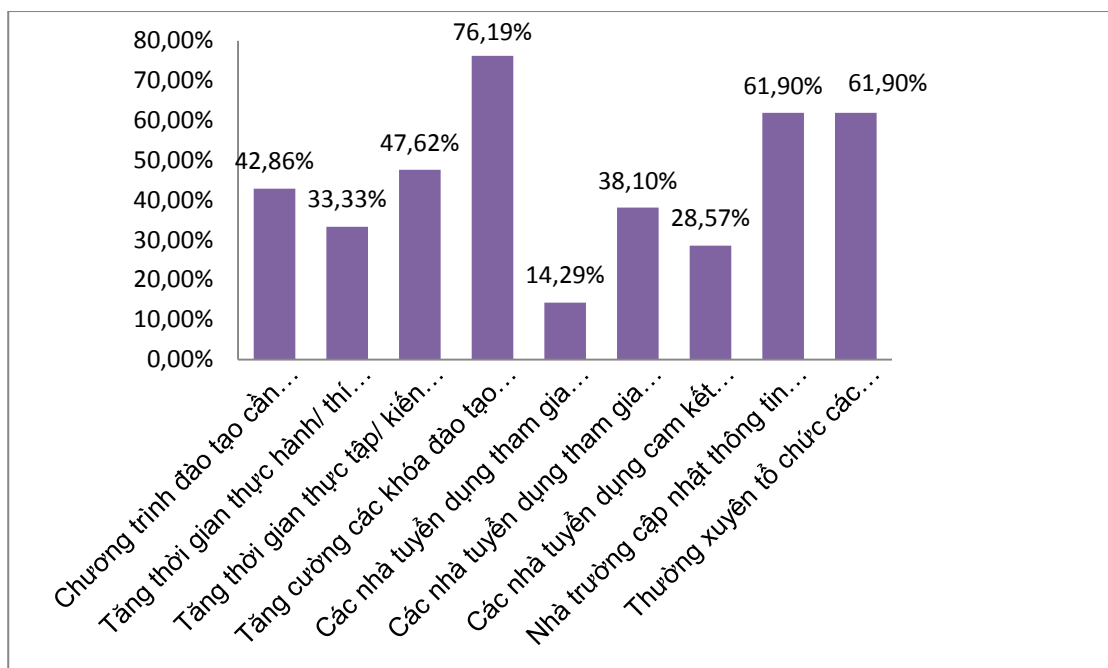
Biểu đồ 34: Kỹ năng sinh viên cần chú trọng nâng cao

2.5. Các loại hình hợp tác giữa doanh nghiệp và nhà trường



Biểu đồ 35: Các hình thức hợp tác hỗ trợ của doanh nghiệp

38,1% doanh nghiệp tạo điều kiện cho sinh viên thực tập, 23,81% doanh nghiệp có nhu cầu hợp tác với nhà trường về tổ chức giới thiệu về đơn vị tại trường thông qua công tác tuyển dụng, ngày hội việc làm, hội thảo giao lưu..., 19,05% doanh nghiệp hỗ trợ sinh viên địa điểm tham quan và việc làm bán thời gian. Nhìn chung, các loại hình hợp tác giữa doanh nghiệp và nhà trường khá đa dạng, tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên được học tập và làm việc.



Biểu đồ 36: Các giải pháp giúp sinh viên tìm việc của doanh nghiệp

Đồng thời, để giúp sinh viên tìm được việc làm, doanh nghiệp đề xuất các giải pháp: 76,19% doanh nghiệp đề xuất nên tăng cường các khóa đào tạo kỹ năng cho sinh viên, 61,9% ý kiến cho rằng nên thường xuyên tổ chức các chương trình phỏng vấn tuyển dụng tại trường/các chương trình phỏng vấn tuyển dụng trực tiếp, 61,9% ý kiến cho rằng nhà trường cập nhật thông tin về nhu cầu sử dụng lao động của xã hội. 47,62% ý kiến doanh nghiệp cho rằng cần tăng thời gian thực tập/kiến tập, 42,86% doanh nghiệp đề xuất chương trình đào tạo cần điều chỉnh và cập nhật theo nhu cầu của thị trường lao động, 38,1% ý kiến đề xuất các nhà tuyển dụng tham gia đào tạo cùng nhà trường, 33,33% ý kiến cho rằng cần tăng thời gian thực hành/ thí nghiệm, 28,57% các nhà tuyển dụng cam kết với trường về việc tuyển dụng sinh viên sau khi tốt nghiệp và 14,29% doanh nghiệp cho rằng các nhà tuyển dụng tham gia xây dựng chương trình đào tạo cùng với nhà trường để cập nhật và đào tạo kịp thời theo nhu cầu xã hội. Qua kết quả khảo sát cho thấy doanh nghiệp rất quan tâm đến chất lượng đào tạo cũng như tạo mọi điều kiện tốt nhất giúp sinh viên ra trường tìm được việc làm phù hợp với năng lực và sở thích của mình.

IV. Kết luận

Đánh giá chung đợt khảo sát việc làm sinh viên của trường sau khi tốt nghiệp niên khóa 2010 - 2014:

❖ Đối với sinh viên:

- 88,89% sinh viên đã có việc làm và 11,11 % sinh viên chưa có việc làm sau một năm tốt nghiệp và 2.99% sinh viên chưa có việc làm vì đang học lên cao học.
- Ý thức học tập và khả năng tự học của sinh viên rất tốt.
- Cần đẩy mạnh việc tuyên truyền các thông tin tuyển dụng, cần đẩy mạnh công tác hỗ trợ và giới thiệu việc làm cho sinh viên.
- Thu nhập bình quân của sinh viên tương đối hợp lý so với thị trường lao động. Mức thu nhập bình quân 7 triệu đồng/tháng.
- Đánh giá của sinh viên chất lượng đào tạo của trường khá tốt, 72% sinh viên đánh giá kiến thức được đào tạo tại trường rất hữu ích đối với họ.
- 74,52% sinh viên đánh giá kiến thức được đào tạo tại trường rất hữu ích đối với họ.
- Cần đẩy mạnh việc tuyên truyền các thông tin tuyển dụng cũng như chú trọng đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên
- Cần chú trọng thêm việc huấn luyện kỹ năng mềm và kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên khi còn học tại trường.
- Mức độ ổn định công việc của sinh viên chưa cao.

❖ Đối với đơn vị sử dụng lao động

- 66,67% đơn vị đánh giá sinh viên của trường thích ứng nhanh với công việc.
- 71,43 doanh nghiệp đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu của công việc của sinh viên rất tốt.
- Hầu hết các đơn vị đều đào tạo thêm kiến thức cho sinh viên trong đó hơn 71,43% là về kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp.
- Sinh viên cần chú trọng và rèn luyện kỹ năng ngoại ngữ và kỹ năng công nghệ thông tin.

- Doanh nghiệp rất chú trọng đến việc đào tạo kỹ năng mềm, kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên. Đồng thời kỹ năng nghiệp vụ cũng được doanh nghiệp quan tâm và đào tạo.
- Các loại hình hợp tác giữa doanh nghiệp và nhà trường khá đa dạng, tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên được học tập và làm việc.
- Doanh nghiệp rất quan tâm đến chất lượng đào tạo cũng như tạo mọi điều kiện tốt nhất giúp sinh viên ra trường tìm được việc làm phù hợp với năng lực và sở thích của mình.

V. Kiến nghị

Dựa trên kết quả khảo sát, chúng tôi đưa ra một số kiến nghị:

- Cần chú trọng thêm việc huấn luyện kỹ năng mềm và kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên khi còn học tại trường nhằm đáp ứng nhu cầu công việc.
- Tăng cường kênh thông tin việc làm hoặc các chương trình tuyển dụng sinh viên ngay sau khi tốt nghiệp để nâng cao tỷ lệ sinh viên có việc làm ngay sau khi ra trường.
- Cần đẩy mạnh việc tuyên truyền các thông tin tuyển dụng, cần đẩy mạnh công tác hỗ trợ và giới thiệu việc làm cho sinh viên.
- Đẩy mạnh việc hợp tác giữa doanh nghiệp với nhà trường trong việc tiếp nhận sinh viên thực tập, giao lưu với sinh viên và tiếp nhận sinh viên đến tham quan doanh nghiệp.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM